

Bản án số: **645/2024/HS-ST**
Ngày: 28-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Quang Định

Bà Trịnh Thị Hồng Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 484/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 613/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

ĐỖ HỒNG P, sinh ngày 17/6/19XX tại H P; ĐKKHKT: Số B phố T, phường N, quận L, TP Hải Phòng; nơi cư trú: Số E phố T, xã A, huyện A, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N và bà Trần Thị M (đều đã chết); có vợ Đàm Thị Kim T và 02 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Bản án số 148/HSST ngày 29/9/1994, TAND quận Lê Chân, TP Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội “Giả mạo giấy chứng nhận cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội” (đã được xóa án);

- Bản án số 420/HSST ngày 25/6/2001 TAND thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “*Giả mạo giấy chứng nhận tài liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” (đã được xóa án);

- Bản án số 114/HSST ngày 08/9/2004, TAND tỉnh Tiền Giang xử phạt 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ 02 tháng 13 ngày tạm giam) về tội “*Chiếm đoạt, mua bán tài liệu của cơ quan Nhà nước*” (Bị cáo chưa chấp hành hình phạt).

Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H, có mặt.

*** Bị hại:**

1. Ông **Nguyễn Viết T1**, sinh năm 1960; nơi cư trú: đường A, phường Y, quận T, TP Hà Nội, vắng mặt.

2. Ông **Phan Huy L**, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số C phố H, phường N, quận H, TP Hà Nội, vắng mặt.

3. Ông **Đặng Văn C**, sinh năm 1949; nơi cư trú: Số D, tổ B, phường L, quận Đ, TP Hà Nội, vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Duy T2**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số B tập thể A, phường M, quận H, TP Hà Nội, vắng mặt.

5. Ông **Nguyễn Hữu C1**, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số C phố P, phường C, quận Đ, TP Hà Nội, vắng mặt.

6. Ông **Nguyễn Trọng D**, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số A phố P, phường P, quận H, TP Hà Nội, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông **Nghiêm Xuân K**, sinh năm 1956; nơi cư trú: Số B, tổ F, phường V, quận H, TP Hà Nội, vắng mặt.

2. Ông **Đỗ Đình T3**, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số C, ngõ D, đường C, phường C, quận B, TP Hà Nội, có mặt.

3. Ông **Lê Đ**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số B tổ D D, quận C, TP Hà Nội, vắng mặt.

4. Bà **Đàm Thị Kim T**, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số F phố C, phường H, quận L, TP Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5/2003, Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố H thông qua công tác kiểm tra hồ sơ đăng ký xe máy trên địa bàn, đã phát hiện có nhiều bộ hồ sơ đăng ký xe máy có dấu hiệu làm giả tài liệu để được đăng ký cấp biển kiểm soát. Phòng C - Công an thành phố H đã chuyển tài liệu đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H điều tra xác minh.

Quá trình điều tra xác minh đã xác định: Năm 2002 và 2003, Đỗ Hồng P (sinh năm 1958; HKTT: số B phố T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng, trú tại số E phố T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng); Nghiêm Xuân K (sinh năm 1956, trú tại số B tổ F, phường V, quận H, Hà Nội), Đỗ Đình T3 (sinh năm 1966, trú tại xóm H, xã C, quận T, nay là phường C, quận B, Hà Nội), Lê Đ (sinh năm 1974, trú tại số B, ngách C, tổ A phường D, quận C, Hà Nội) đã làm giả 53 bộ hồ sơ xe máy sau đó thuê, mượn sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân của người thân tại thành phố Hà Nội rồi đi đăng ký tại Phòng C - Công an thành phố H sau đó mang bán cho nhiều người, trong đó xác định các đối tượng đã làm giả 53 bộ hồ sơ, bán được 09 chiếc xe máy, chiếm đoạt của 06 bị hại tổng số tiền là 432.000.000 đồng. Cụ thể:

1. Hành vi làm giả 53 bộ hồ sơ xe gắn máy của các đối tượng Đỗ Hồng P, Nghiêm Xuân K, Đỗ Đình T3 và Lê Đ:

Khoảng tháng 8 năm 2002, Đỗ Hồng P làm lái xe tại Bến tàu B thuộc quận H, thành phố Hải Phòng có quen đối tượng tên là G và S (P không biết lai lịch cụ thể) làm bốc vác tại Bến tàu B. Các đối tượng cùng bàn bạc thống nhất S và G có nguồn xe máy nhãn hiệu Honda Space và S1 không rõ nguồn gốc (không phải xe trộm cắp) kèm theo hồ sơ xe giả gồm: Tờ khai nguồn gốc xe gắn máy nhập khẩu; Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng; Hóa đơn giá trị gia tăng. Các đối tượng thỏa thuận S và G có trách nhiệm đi mua gom xe máy và làm giả hồ sơ, giấy tờ của xe; P có nhiệm vụ đăng ký xe và tiêu thụ xe máy. Chi phí mua 01 xe và làm giả hồ sơ, giấy tờ xe hết 700 USD, sau khi hoàn thiện thủ tục đăng ký xe thì bán với giá 900 USD/01 xe, số tiền lãi thì chia nhau.

Khoảng đầu tháng 8/2002, Nghiêm Xuân K là Giám đốc Xí nghiệp X,

là người quen của P đến nhà P chơi thì P nói có nguồn xe máy nhãn hiệu Honda Space không có nguồn gốc, kèm theo bộ hồ sơ giấy tờ của xe và thỏa thuận K có nhiệm vụ tìm người có hộ khẩu tại Hà Nội sau đó P sẽ chuyển xe máy cùng hồ sơ giả cho K đi đăng ký tại Công an thành phố H rồi K sẽ trực tiếp mang xe đi bán với giá 40.000.000 đồng/01 chiếc, nếu K bán được giá cao hơn thì K sẽ được hưởng số tiền chênh lệch thì K đồng ý. K giao nhiệm vụ cho Nguyễn Thị Thanh T4 (sinh năm 1963; trú tại số A phố Q, thị trấn V, huyện T, Hà Nội) là Kế toán xí nghiệp của K có trách nhiệm tìm người đăng ký xe hộ, tìm hiểu thủ tục đăng ký xe, số tiền thuế phải nộp. Sau đó T4 báo tổng chi phí đăng ký xe là 1.820.000 đồng.

Tương tự như P bàn bạc thỏa thuận với K, khoảng tháng 9/2002, P bàn bạc với Đỗ Đình T3 là chỗ quen biết từ trước, là P có nguồn xe máy nhãn hiệu Honda Space kèm theo hồ sơ xe giả, có thể đi đăng ký được, P bán cho T3 với giá 900 USD/01 xe. Do không biết cách đăng ký loại xe sử dụng giấy tờ giả nên P dẫn T3 đến gặp K và giới thiệu K cũng là người mua xe của P. Do Lê Đ là người quen của T3 muốn mua xe máy nhãn hiệu Honda Space không rõ nguồn gốc nên T3 dẫn Đ đến nhà P để P và Đ bàn bạc, trao đổi mua bán xe không rõ nguồn gốc. Do thời điểm này Công an thành phố H quy định mỗi người chỉ được đứng tên đăng ký 01 xe máy nên khi đăng ký xe phải có hộ khẩu, chứng minh nhân dân và bằng lái xe phù hợp của người đứng tên đăng ký.

Sau khi thỏa thuận, thống nhất mua bán xe và đăng ký xe giữa các bên, từ tháng 9/2002 đến tháng 3/2003 Đỗ Hồng P đã cung cấp cho Nghiêm Xuân K, Đỗ Đình T3 và Lê Đức tổng số 46 bộ hồ sơ xe máy (gồm 45 bộ hồ sơ xe máy nhãn hiệu Honda Spacy và 01 bộ hồ sơ xe máy nhãn hiệu Suzuki Avenir) kèm theo số tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/bộ hồ sơ. Mỗi bộ hồ sơ gồm 01 Tờ khai nguồn gốc xe gắn máy nhập khẩu đã ghi đầy đủ nội dung, có chữ ký, đóng dấu Cục hải Quan thành phố H; 01 Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đã ghi đầy đủ nội dung, có chữ ký, đóng dấu của Công ty X1, 01 Hóa đơn giá trị gia tăng chưa ghi nội dung, có chữ ký, đóng dấu Công ty TNHH T12 và 02 bản cà số khung, số máy của xe gắn máy. Cụ thể là Đỗ Hồng P giao cho Đỗ Đình T3 16 bộ hồ sơ, Lê Đ 10 bộ hồ sơ, giao cho Nghiêm Xuân K 20 bộ hồ sơ. Sau khi nhận hồ sơ của P, các đối tượng

đi thuê, mượn sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân, bằng lái xe máy của người có hộ khẩu tại Hà Nội rồi các đối tượng giao cho Cao Thị Thanh H (sinh năm 1981; trú tại xã T, huyện C, Hà Nội) và Nguyễn Thị Thanh T4 đều là kế toán của Xí nghiệp X viết tên, địa chỉ người đứng tên chủ xe cùng nhãn hiệu xe, số khung, số máy, giá tiền vào các phần nội dung trên Hóa đơn giá trị gia tăng, sau đó giao lại cho Nguyễn Thị Thanh T4 để T4 nhờ đối tượng Chử Quang H1 (sinh năm 1964; trú tại Cỏ Điện A, xã T, huyện T, Hà Nội) làm dịch vụ đăng ký xe máy. Mỗi bộ hồ sơ xe đi đăng ký T4 đưa cho H1 số tiền 1.820.000 đồng (gồm tiền thuế, phí và tiền dịch vụ), H1 đến Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố H trực tiếp làm thủ tục đăng ký cấp biển kiểm soát cho từng xe. Khi đã đăng ký thành công thì H1 sẽ đưa cho T4 biển số xe và giấy hẹn nhận Giấy đăng ký xe rồi T4 giao lại cho K. K giữ lại biển kiểm soát và giấy hẹn của những xe K thuê người đăng ký và giao lại biển số và giấy hẹn đăng ký xe cho những xe T3 và Đ thuê người đăng ký.

Đến tháng 04/2003, do Nghiêm Xuân K đi công tác nước ngoài nên Đỗ Hồng P giao 06 bộ hồ sơ cho Đỗ Đình T3 và T3 đã đưa cho Nguyễn Thị Thanh T4 02 bộ hồ sơ để nhờ T4 thuê, mượn người đứng tên đăng ký xe, còn lại 04 bộ hồ sơ T3 trực tiếp thuê người đứng tên đăng ký xe. Sau khi hoàn thiện hồ sơ xe máy giả thì T3 đưa cho T4 04 bộ hồ sơ kèm theo số tiền 24.000.000 đồng để nhờ T4 đi đăng ký 06 xe máy, T4 đã nhờ Chử Xuân H2 làm dịch vụ và đăng ký 06 xe máy chi phí hết 22.000.000 đồng, T4 được hưởng lợi 2.000.000 đồng. Ngoài ra Đỗ Đình T3 còn trực tiếp nhờ bà Nguyễn Thị M1 (sinh năm 1953; trú tại số B phố C, phường T, quận B, Hà Nội) đăng ký 01 xe máy.

Quá trình làm thủ tục đăng ký phương tiện xe cơ giới, do không phát hiện hồ sơ đăng ký xe máy là giả nên Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố H đã cấp Giấy đăng ký, biển số xe cho 50 xe máy (gồm 49 xe máy nhãn hiệu Spacy và 01 xe máy nhãn hiệu Suzuki Avenis) cho các đối tượng nêu trên, còn 03 bộ hồ sơ do nghi ngờ là giả nên Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố H không cấp Giấy đăng ký xe và biển số xe mà chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H để điều tra, xác minh.

Vật chứng thu giữ: Phòng C - Công an thành phố H giao nộp 53 bộ hồ sơ xe máy gồm: Xe máy nhãn hiệu Spacy BKS 29S7-5215; 29P2-2770; 29S7-4102; 29S7-6730; 29P29-2791; 29S8-1240; 29S8-6632; 29S7-4435; 29S72-9079; 29S9-3629; 29S7-4426; 29S7-6651; 29S8-4780; 29S8-5757; 29S8-4141; 29P2-3821; 29S9-1447; 2S9-4932; 29S9-5156; 29S9-4385; 29S9-4392; 29S9-4391; 29S9-2591; 29S9-6589; 29S9-6568; 29S9-1167; 29S9-0858; 29S9-3670; 29S9-7316; 29S9-6578; 29P1-0325; 29P1-2797; 29P1-1321; 29P1-4038; 29P1-5895; 29P1-1038; 29S9-9151; 29P1-2125; 29P1-3156; 29P1-4515; 29S9-8270; 29S9-8296; 29P1-6202; 29P1-9286; 29P1-6513; 29P2-0270; 29P1-8297; 29S9-5078; 29S2-0368; Hồ sơ có phiếu kiểm tra chất lượng số BG0443334; Hồ sơ người đăng ký Nguyễn Văn T5; Hồ sơ đăng ký xe Nguyễn Ngọc T6.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định các tài liệu thu giữ nêu trên. Theo các Bản kết luận giám định của Phòng K1 - Công an thành phố H kết luận:

Hình dấu Cục hải quan thành phố H, chữ ký của ông Phạm Công T7 - Phó trưởng phòng giám sát quản lý về hải quan - Cục hải quan thành phố H trên 53 bộ hồ sơ thu giữ nêu trên đều là giả; Các hình dấu, chữ ký của Công ty X1, Công ty TNHH T12 trên 53 bộ hồ sơ thu giữ nêu trên đều là giả.

Tại Bản kết luận giám định số 1003 ngày 09/9/2003, của Phòng K1 - Công an thành phố H kết luận: Chữ viết trên 41 tờ hóa đơn giá trị gia tăng trong 53 bộ hồ sơ thu giữ nêu trên là do Cao Thanh H viết ra; Chữ viết nội dung trên 06 tờ hóa đơn giá trị gia tăng trong số 53 bộ hồ sơ thu giữ nêu trên là do Nguyễn Thị Thanh T4 viết ra.

Kết quả điều tra Đỗ Hồng P, Nghiêm Xuân K, Đỗ Đình T3, Lê Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. K và Lê Đức k khi Đỗ Hồng P giao hồ sơ đi đăng ký xe thì P đưa số tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/01 bộ hồ sơ. K giao cho T4 làm chi phí đăng ký xe, quá trình nhận làm đăng ký xe, K được hưởng lợi tổng số tiền khoảng 30.000.000 đồng, Đ được hưởng lợi tổng số tiền 10.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, K tự nguyện giao nộp số tiền 30.000.000 đồng, Đ giao nộp số tiền 10.000.000 đồng.

2. Hành vi sử dụng xe máy đăng ký bằng bộ hồ sơ giả mang bán

cho 06 người bị hại, chiếm đoạt tổng số tiền 432.000.000 đồng:

Sau khi đăng ký được 50 xe máy nêu trên thì các đối tượng thỏa thuận Đỗ Hồng P giao cho Nghiêm Xuân K, Đỗ Đình T3 và Lê Đức m bán cho người có nhu cầu với giá 40.000.000 đồng/01 xe, nếu các đối tượng bán được cao hơn thì sẽ được hưởng số tiền chênh lệch. Cụ thể như sau:

* Đỗ Đình T3 đã bán tổng số 09 chiếc xe máy, trong đó đã xác định T3 đã bán 04 xe máy được 16.750 USD tương đương số tiền 259.000.000 đồng gồm:

- T3 bán cho ông Nguyễn Việt T1 (sinh năm 1960, trú tại đường A, phường Y, quận T, Hà Nội) xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29S9-9747 với giá 3.700 USD, sau đó ông T1 bán cho ông Nguyễn Toán H3 rồi ông H3 bán lại cho bà Phan Thị L1 (sinh năm 1969; trú tại số B, tổ A, khối D đường P, thị trấn Y, huyện G, Hà Nội) với giá 54.000.000 đồng;

- T3 bán cho ông Nguyễn Việt T1 xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29P1-4038 với giá 3.900 USD, sau đó ông T1 bán lại cho ông Nguyễn Anh T8 (sinh năm 1974, trú tại số C, ngõ A phố Đ, phường Đ, quận B, Hà Nội) với giá 3.900 USD;

- T3 bán cho ông Phan Huy L (sinh năm 1952, trú tại số C phố H, phường N, quận H, Hà Nội) xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29S9-5078 với giá 3.600 USD, sau đó ông L bán lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T4 (sinh năm 1963, trú tại số G, phố T, phường H, quận Đ, Hà Nội) với giá 3.650 USD;

- T3 bán cho ông Phan Huy L xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29S8-5757 với giá 3.500 USD, sau đó ông L bán lại cho bà Phạm Thị Minh T9 (sinh năm 1970, trú tại số E phố T, phường Q, quận Đ, Hà Nội) với giá 3.750 USD;

Sau khi bán được 04 xe máy nêu trên được tổng số tiền 259.000.000 đồng thì Đỗ Đình T3 đã thanh toán cho Đỗ Hồng P số tiền theo thỏa thuận tương ứng là 160.000.000 đồng, T3 được hưởng lợi số tiền 99.000.000 đồng. Ngoài ra Đỗ Hồng P còn giao cho Đỗ Đình T3 mang bán 05 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Spacy khác. Tuy nhiên do không xác định được người mua cũng như số tiền các đối tượng đã nhận nên không có cơ sở để kết luận số tiền các đối tượng đã chiếm đoạt.

Tài sản, vật chứng thu giữ: Thu giữ của bà Phan Thị L1 xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29S9-9747; ông Nguyễn Anh T8 xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29P1-4038; Nguyễn Thị Thanh T4 xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29S9-5078; Phạm Thị Minh T9 xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29S8-5757.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định số khung, số máy đối với 04 xe máy thu giữ nêu trên. Theo kết luận giám định của Phòng K1 - Công an thành phố H kết luận: Số khung, số máy của 04 xe máy trên là số đóng lại.

* Lê Đ đã bán tổng số 08 chiếc xe máy, trong đó xác định Đ đã bán 03 xe máy được 11.000 USD tương đương số tiền 155.000.000 đồng gồm:

- Đ bán cho ông Đặng Văn C (sinh năm 1949, trú tại số D, tổ B, phường L, quận Đ, Hà Nội) xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29P2-0270 với giá 3.400 USD;

- Đ bán cho ông Nguyễn Duy T2 (sinh năm 1970, trú tại số B tập thể A, phường M, quận H, Hà Nội) xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29P2-1870 với giá 4.000 USD, sau đó ông T2 bán lại cho ông Phùng H4 (sinh năm 1973, trú tại P, C, phường L, quận Đ, Hà Nội) với giá 4.200 USD;

- Đ bán cho ông Nguyễn Hữu C1 (sinh năm 1960, trú tại số C phố P, phường C, quận Đ, Hà Nội) xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29P2-1870 (không xác định số tiền bán), sau đó ông C1 bán lại cho ông Trần Văn T10 (sinh năm 1961, trú tại số C phố H, phường Đ, quận H, Hà Nội) với giá 4.300 USD.

Theo lời khai của Lê Đ, sau khi bán 03 xe máy nêu trên được 11.000 USD tương đương số tiền 155.000.000 đồng thì Lê Đ đã thanh toán cho Đỗ Hồng P số tiền theo thỏa thuận nhưng không nhớ số tiền cụ thể. Ngoài ra Đỗ Hồng P còn giao cho Lê Đức m bán 03 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Spacy khác. Tuy nhiên do không xác định được người mua cũng như số tiền các đối tượng đã nhận nên không có cơ sở để kết luận số tiền các đối tượng đã chiếm đoạt.

Tài sản, vật chứng thu giữ: Thu giữ của ông Đặng Văn C xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29P2-0270; ông Phùng H4 xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29P2-1870; ông Trần Văn T10 xe

máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29P2-1870.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định số khung, số máy đối với 03 xe máy thu giữ nêu trên. Theo kết luận giám định của Phòng K1 - Công an thành phố H kết luận: Số khung, số máy của 03 xe máy trên là số đóng lại.

* Nghiêm Xuân K đã bán tổng số 05 chiếc xe máy, trong đó xác định K đã bán 02 xe máy được 6.700 USD tương đương số tiền 100.500.000 đồng gồm:

- K bán cho ông Nguyễn Trọng D (sinh năm 1953, trú tại số A phố P, phường P, quận H, Hà Nội) xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29P1-1825 với giá 3.300 USD, sau đó ông D bán lại cho ông Vũ Đức T11 (sinh năm 1959, trú tại số E phố T, phường T, quận B, Hà Nội) với giá 3.950 USD.

- Khanh bán cho ông Nguyễn Trọng D xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29S3-0647 với giá 3.400 USD, sau đó ông D bán lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết L2 (sinh năm 1978, trú tại số B ngõ A, phố Y, phường Y, quận T, Hà Nội) với giá 57.000.000 đồng.

Sau khi bán 02 xe máy nêu trên được 6.700 USD tương đương số tiền 100.500.000 đồng thì Nghiêm Xuân K đã thanh toán cho Đỗ Hồng P số tiền theo thỏa thuận nhưng không nhớ số tiền cụ thể. Ngoài ra Đỗ Hồng P còn giao cho Nghiêm Xuân K mang bán 03 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Spacy khác. Tuy nhiên do không xác định được người mua cũng như số tiền các đối tượng đã nhận nên không có cơ sở để kết luận số tiền các đối tượng đã chiếm đoạt.

Tài sản, vật chứng thu giữ: Thu giữ của ông Vũ Đức T11 xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29P1-1825; bà Nguyễn Thị Tuyết L2 xe máy nhãn hiệu Honda Spacy biển kiểm soát 29S3-0647.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định số khung, số máy đối với 02 xe máy thu giữ nêu trên. Theo kết luận giám định của Phòng K1 - Công an thành phố H kết luận: Số khung, số máy của 02 xe máy trên là số đóng lại.

Tại Cơ quan điều tra Đỗ Đình T3, Nghiêm Xuân K, Lê Đức k: Sau khi đăng ký xe máy xong thì Đỗ Hồng P cung cấp 22 xe máy nhãn hiệu Honda Spacy để cho các bị can tiêu thụ. Trong đó 09 xe Cơ quan điều tra đã xác định có người mua xe, xác định giá trị do các bị can chiếm đoạt của các

bị hại là 28.800 USD tương đương số tiền 432.000.000 đồng.

Sau khi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội tố các bị can Đỗ Hồng P, Nghiêm Xuân K, Đỗ Đình T3, Lê Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Do Đỗ Hồng P bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã tạm đình chỉ, truy nã bị can Đỗ Hồng P. Quá trình điều tra, ngày 30/9/2004 Cơ quan điều tra đã kê biên tài sản là nhà đất số F phố C, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng, diện tích 60,42m² trên đất là căn nhà 1,5 tầng diện tích 3,8 x 16m mái bê tông. Kết quả điều tra xác định: Tháng 5/2002 Đỗ Hồng P chấp hành xong hình phạt tù và trở về nhà, khoảng cuối năm 2002 bà Đàm Thị Kim T (sinh năm 1961- là vợ của Đỗ Hồng P) sử dụng số tiền riêng của mình mua căn nhà trên của vợ chồng ông Nguyễn Văn D1 và bà Vũ Thị B với giá 100.000.000 đồng, do căn nhà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên chỉ mua bán thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng mua bán. Hiện gia đình bà T vẫn sinh sống ổn định trên căn nhà này, sau khi Đỗ Hồng P bị bắt tạm giam đã tác động gia đình khắc phục số tiền Phong được hưởng lợi từ tiền phạm tội, bà Đàm Thị Kim T đã tự nguyện giao nộp số tiền 54.000.000 đồng. Do nhà đất được mua từ tiền riêng của bà T, không liên quan đến vụ án, nay bà T đề nghị hủy bỏ lệnh kê biên đối với căn nhà trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 152/HSST từ ngày 20, 22, 23 và ngày 25/4/2005, của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Đỗ Đình T3, Nghiêm Xuân K cùng bị tuyên 11 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Lê Đức b xử phạt 06 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Về trách nhiệm dân sự, buộc Đỗ Đình T3, Nghiêm Xuân K, Lê Đức liên đ bồi thường cho các bị hại mua 09 xe máy với tổng số tiền là 432.000.000 đồng đồng thời bản án cũng đề cập xử lý vật chứng và xử lý những đối tượng liên quan khác.

Sau khi bị bắt, Đỗ Hồng P khai đối tượng tên là S và G là nhân viên bốc vác tại Bến tàu B - thành phố Hải Phòng là người cung cấp xe máy không rõ nguồn gốc kèm theo hồ sơ xe máy giả cho P để P mang đi đăng ký và tiêu thụ. Sau khi bán xe máy được tổng số tiền là 47.700 USD, P đã trả cho G và S chi phí mua xe và hồ sơ xe giả tổng số tiền là 37.100USD tương

đương 575.050.000 đồng (giá 01 USD = 15.500 đồng/1USD). Số tiền còn lại là 10.600 USD thì P, G và S đã đổi ra tiền Việt Nam được 164.300.000 đồng rồi chia nhau, mỗi người được hưởng số tiền 54.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã xác minh Công an phường M, quận H, thành phố Hải Phòng xác định: Bến tàu B nằm trên địa bàn phường M, quận H, thành phố Hải Phòng do Công ty cổ phần X1 quản lý. Qua rà soát Công an phường M không xác định được người có tên là S và G làm bốc vác tại Bến tàu B. Xác minh tại Công ty cổ phần X1 xác định: Bến tàu Bính từ năm 2004 không còn hoạt động. Năm 2002 - 2003 Bến tàu Bính không có ai tên G và S. Do không xác định được đối tượng G và S nên không có cơ sở để điều tra làm rõ đối tượng G và S có liên quan đến vụ án cũng như tổng số tiền các đối tượng chiếm đoạt.

Ngoài 09 xe máy các đối tượng bán cho các bị hại và đã bị phát hiện thu giữ, số xe còn lại các đối tượng khai đã bán cho nhiều người nhưng không nhớ tên, tuổi địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra đã ban hành thông báo truy tìm tang vật nhưng chưa có kết quả.

Tại Cơ quan điều tra Đỗ Hồng P không thừa nhận đã nhờ Nghiêm Xuân K, Đỗ Đình T3 thuê người đứng tên đăng ký xe máy sau đó mang bán với giá 40.000.000 đồng/1 xe, nếu bán được giá cao hơn thì K và T3 hưởng số tiền chênh lệch. Mà P khai P bán 53 xe máy cùng 53 bộ hồ sơ xe máy giả cho Nghiêm Xuân K, Đỗ Đình T3, Lê Đ trước khi xe được cấp đăng ký với giá 900USD/01 chiếc. Do có mâu thuẫn giữa lời khai của Đỗ Hồng P và Nghiêm Xuân K, Đỗ Đình T3, Lê Đức v giá bán xe cũng như P bán xe máy trước khi xe được đăng ký hay sau khi xe được đăng ký. Cơ quan điều tra tổ chức đối chất, tuy nhiên Đỗ Đình T3 từ chối tham gia đối chất với lý do T3 đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đưa ra xét xử, đã trả án và đã khắc phục số tiền chiếm đoạt; Xác minh tại phường D, quận C, Hà Nội là địa chỉ Lê Đức theo tài liệu hồ sơ vụ án, kết quả không xác định được tại Số B ngách C tổ A phường D, quận C, Hà Nội có ai tên là Lê Đ (sinh năm 1974); Đối với Nghiêm Xuân K hiện bị bệnh tai biến không đủ sức khỏe nên Cơ quan điều tra không thể đối chất.

Bản cáo trạng số 463/CT-VKS-P3 ngày 30/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đỗ Hồng P về tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đỗ Hồng P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã quy kết. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do tuổi đã cao, sức khỏe yếu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng cùng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Đỗ Hồng P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đỗ Hồng P từ 08 đến 09 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 04 đến 05 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là từ 12 đến 14 năm tù. Tổng hợp với 24 tháng tù tại bản án số 114/HSST ngày 08/9/2004, TAND tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bản án trước đã giải quyết về vấn đề dân sự nên không đề cập trong bản án này.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, sung quỹ Nhà nước số tiền 54.000.000 đồng. Áp dụng Điều 130 Bộ luật tố tụng Hình sự, hủy bỏ lệnh kê biên tài sản nhà, đất của bà Đàm Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Hồng P phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án những người làm chứng, tang vật chứng đã thu giữ, các bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 9/2002 đến tháng 5/2003, Đỗ Hồng P làm giả 53 bộ hồ sơ xe máy, mỗi bộ hồ sơ gồm Tờ khai nguồn gốc xe gắn máy nhập khẩu đã ghi đầy đủ nội dung, có chữ ký, đóng dấu Cục hải Quan thành phố H; 01 Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đã ghi đầy đủ nội dung, có chữ ký, đóng dấu của Công ty X1, 01 Hóa đơn giá trị gia tăng chưa ghi nội dung, có chữ ký, đóng dấu Công ty TNHH T12 sau đó P nhờ Nghiêm Xuân K, Đỗ Đình T3, Lê Đức t, mượn sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân đăng ký chót lọt được 50 chiếc xe máy, trong đó có 49 xe máy nhãn hiệu Honda Spacy và 01 xe máy nhãn hiệu Suzuki A rồi P thỏa thuận và giao xe máy đã đăng ký bằng bộ hồ sơ giả cho K, T3, Đ mang bán cho người khác, các bị hại tin tưởng là xe có nguồn gốc và đăng ký hợp pháp nên đồng ý mua. Kết quả điều tra đã xác định các đối tượng đã bán 09 xe máy cho ông Nguyễn Viết T1, Phan Huy L, Đặng Văn C, Nguyễn Duy T2, Nguyễn Hữu C1 và ông Nguyễn Trọng D, chiếm đoạt được tổng số tiền là 432.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đỗ Hồng P đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 432.000.000 đồng của bị cáo Đỗ Hồng P thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”; Hành vi làm giả 53 bộ hồ sơ xe máy, mỗi bộ

hồ sơ gồm Tờ khai nguồn gốc xe gắn máy nhập khẩu đã ghi đầy đủ nội dung, có chữ ký, đóng dấu Cục hải Quan thành phố H; 01 Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đã ghi đầy đủ nội dung, có chữ ký, đóng dấu của Công ty X1, 01 Hóa đơn giá trị gia tăng chưa ghi nội dung, có chữ ký, đóng dấu Công ty TNHH T12 rồi dùng tài liệu giả để thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*”.

Hành vi của bị cáo Đỗ Hồng P vào thời điểm phạm tội được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 và khoản 3 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017, của Quốc H5 về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, thì hành vi nêu trên của bị can Đỗ Hồng P đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Chính vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Đỗ Hồng P là hoàn toàn có căn cứ, đúng các quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu riêng về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, hoang mang, lo lắng, bất bình trong nhân dân. Do vậy đối với bị cáo cần phải đưa ra xét xử nghiêm khắc trước pháp luật mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa các loại tội phạm này nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Tăng nặng: Không.

- Giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra bị cáo khai nhận một phần hành vi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo Đỗ Hồng P đã thành khẩn khai báo nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo đã nộp lại khoản tiền thu lời bất chính; bản thân bị cáo tuổi đã cao, mắc nhiều bệnh

tật là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy cũng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tạo điều kiện cho bị cáo được yên tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập với gia đình và xã hội.

[5] Tại bản án số: 114/HSST ngày 08/9/2004, TAND tỉnh Tiền Giang xử phạt 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ 02 tháng 13 ngày tạm giam) về tội “*Chiếm đoạt, mua bán tài liệu của cơ quan Nhà nước*”, bị cáo Đỗ Hồng P chưa chấp hành hình phạt nên cần tổng hợp với bản án này để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bản án hình sự sơ thẩm số 152/HSST ngày 20, 21, 22 và 25/4/2005, của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã giải quyết về phần trách nhiệm dân sự trong vụ án nên Tòa không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thừa nhận thu lợi bất chính được số tiền 54.000.000 đồng nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước. Trong giai đoạn điều tra bà Đàm Thị Kim T là vợ bị cáo đã tự nguyện nộp 54.000.000 đồng thay cho bị cáo nên bị cáo không phải nộp lại nữa.

Đối với số tiền 54.000.000 đồng bà Đàm Thị Kim T đã nộp thay cho bị cáo đến nay bà T không có yêu cầu đối với bị cáo về khoản tiền này nên Tòa không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã ra Lệnh kê biên tài sản của Đỗ Hồng P là: “Một căn nhà 1,5 tầng mái bê tông (nhà số F phố C, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng) có kích thước: 3,8m x 16m; diện tích mặt sàn là: 60,42m²; tổng diện tích sử dụng là 70m² ...” (theo Biên bản kê biên tài sản ngày 29/5/2004 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H). Đến nay bị cáo Lê Hồng P1 không phải chịu phần trách nhiệm dân sự nên hủy bỏ lệnh kê biên trên.

- Sung quỹ Nhà nước số tiền 54.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Hồng P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng P 09 (C2)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và **03 (Ba)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là **12 (Mười hai)** năm tù, tổng hợp hình phạt với **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù tại Bản án số: 114/HSST ngày 08/9/2004 của TAND tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **14 (Mười bốn)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **26/02/2024** (được trừ đi **02** tháng **13** ngày tạm giam tại Bản án số: 114/HSST ngày 08/9/2004 của TAND tỉnh Tiền Giang).

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Đỗ Hồng P phải nộp lại **54.000.000** đồng để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự,

- Hủy bỏ Lệnh kê biên đối với một căn nhà 1,5 tầng mái bê tông (nhà số F phố C, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng) có kích thước: 3,8m x 16m; diện tích mặt sàn là: 60,42m²; tổng diện tích sử dụng là 70m² ...(theo Biên bản kê biên tài sản ngày 29/5/2004 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H).

- Sung quỹ Nhà nước số tiền 54.000.000 đồng.

(Số tiền 54.000.000 đồng hiện lưu giữ trong tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H).

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Đỗ Hồng P phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục T.H.A Dân sự thành phố Hà Nội;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Cảnh